

**Ths. ĐOÀN THỊ PHƯƠNG DIỆP**

- Tình huống 1.

Chị A là công nhân công ty X. Tết nguyên đán năm 2009 công ty thưởng cho chị 1.200.000đ. Việc chi trả tiền thưởng được thực hiện thông qua giao dịch chuyển khoản của ngân hàng ngoại thương Việtcombank chi nhánh Quận Tân Bình. Trong quá trình thao tác chuyển tiền nhân viên M của ngân hàng đã chuyển nhầm cho chị 1.200.000.000đ. Sau khi phát hiện số tiền lớn trong tài khoản, chị A đã xin nghỉ làm và về quê, sử dụng số tiền trên để thực hiện rất nhiều giao dịch mua bán. Sau khi phát hiện sự việc trên, ngân hàng đã cử người đến gặp chị A để đòi lại số tiền trên. Theo anh (chị), yêu cầu trả tiền của ngân hàng có phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành và thực tiễn hay không? Tại sao?

- Tình huống 2.

Năm 1979, bà A và gia đình cùng thỏa thuận cho Ủy ban nhân dân xã X mượn 5 công đất để dùng vào mục đích công ích, việc cho mượn có lập hợp đồng. Năm 2010 bà A và gia đình yêu cầu Ủy ban xã trả lại số đất nói trên, chủ tịch UBND xã X trả lời bằng văn bản rằng yêu cầu trả lại đất là không có cơ sở vì áp dụng khoản 1 Điều 247 BLDS 2005, UBND xã đã sử dụng liên tục, công khai đối với 5 công đất nói trên với thời hạn trên 30 năm nên số đất trên đã thuộc về xã.

Lập luận này của UB xã có phù hợp hay không?  
Phân tích về hệ quả của lập luận này khi áp dụng vào thực tế

**BÀI 1.**  
**KHÁI NIỆM CHUNG VỀ LUẬT DÂN**  
**SỰ VIỆT NAM**

## **I: Định nghĩa:**

### 1.ĐN:

Luật dân sự Việt Nam là một ngành luật trong hệ thống pháp luật, là tổng thể các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ tài sản mang tính chất hàng hoá - tiền tệ và các quan hệ nhân thân trên cơ sở bình đẳng, độc lập của các chủ thể khi tham gia vào các quan hệ đó.

### 2. Phân biệt Luật Dân sự và các ngành luật khác:

- Luật Dân sự và Luật Lao động
- Luật Dân sự và Luật hành chính
- Luật Dân sự và Hình sự
- Luật dân sự và Luật HN và Gia đình

## **II: Đối tượng điều chỉnh của luật dân sự Việt Nam:**

- KN. Đối tượng điều chỉnh của luật dân sự Việt Nam là những nhóm quan hệ về nhân thân và tài sản trong quan hệ dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động (*Điều 1 Bộ luật dân sự (BLDS) năm 2005*).

## **1. Quan hệ tài sản:**

- Quan hệ tài sản là quan hệ giữa người với người thông qua một tài sản. Quan hệ tài sản bao giờ cũng gắn với một tài sản nhất định được thể hiện dưới dạng này hay dạng khác.
- Tài sản (được khái quát chung ở điều 163 BLDS năm 2005) bao gồm: vật, tiền, giấy tờ có giá và các quyền tài sản.
- Quan hệ tài sản rất đa dạng và phức tạp bởi các yếu tố cấu thành nên các quan hệ đó bao gồm: chủ thể tham gia, khách thể được tác động và nội dung của các quan hệ đó.

Đặc điểm của quan hệ tài sản:

Thứ nhất, quan hệ tài sản thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật dân sự đa dạng, phong phú:

- + Đa dạng về lĩnh vực
- + Đa dạng về đối tượng
- + Đa dạng về chủ thể

Thứ hai, Quan hệ tài sản thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật dân sự mang tính ý chí

- + Phản ánh và ghi nhận ý chí của các chủ thể trong quan hệ tài sản
- + Chịu tác động bởi ý chí của nhà nước – Tính phù hợp với qui định của BLDS

Thứ ba, quan hệ tài sản thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật dân sự mang tính chất giá trị và tính được bằng tiền.

Thứ tư, Quan hệ tài sản thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật dân sự có tính chất đền bù tương đương trong trao đổi.



## 2. Quan hệ nhân thân:

- a. KN. Quan hệ nhân thân là quan hệ giữa người với người về một giá trị nhân thân của cá nhân hay các tổ chức.
- Luật dân sự điều chỉnh các quan hệ nhân thân bằng cách quy định những giá trị nhân thân nào được coi là quyền nhân thân, trình tự thực hiện, giới hạn của các quyền nhân thân đó, đồng thời quy định các biện pháp thực hiện, bảo vệ các quyền nhân thân đó. (điều 25 BLDS năm 2005).
  - Quyền nhân thân là quyền dân sự gắn liền với một chủ thể, về nguyên tắc không thể chuyển giao cho chủ thể khác. Đó là một quyền dân sự tuyệt đối, mọi người đều có nghĩa vụ tôn trọng quyền nhân thân của người khác.

## b. Phân loại các quan hệ nhân thân:

❖ Gồm 2 nhóm:

- Quan hệ nhân thân gắn với tài sản
- Quan hệ nhân thân không gắn với tài sản

## c. Đặc điểm:

- Quyền nhân thân luôn gắn liền với một chủ thể nhất định và về nguyên tắc thì ko thể dịch chuyển được cho các chủ thể khác.
- Quyền nhân thân không xác định được bằng tiền. Giá trị nhân thân và tiền tệ không phải là những đại lượng tương đương và ko thể trao đổi ngang giá. Mỗi chủ thể có những giá trị nhân thân khác nhau nhưng đc bảo vệ như nhau khi các giá trị đó bị xâm phạm.

# III: Phương pháp điều chỉnh của luật dân sự:

## 1. *Khái niệm về phương pháp điều chỉnh:*

Phương pháp điều chỉnh của luật dân sự là những cách thức, biện pháp mà nhà nước tác động lên các quan hệ tài sản, các quan hệ nhân thân, làm cho các quan hệ này phát sinh, thay đổi, chấm dứt theo ý chí của nhà nước và phù hợp với 3 lợi ích: nhà nước, xã hội và cá nhân.

## 2. *Đặc điểm:*

- Các chủ thể tham gia các quan hệ tài sản và các quan hệ nhân thân do luật dân sự điều chỉnh độc lập về tổ chức và tài sản, bình đẳng với nhau về địa vị pháp lý.
- Tự định đoạt của các chủ thể trong việc tham gia các quan hệ tài sản. Tuy nhiên, việc tự định đoạt đó cũng phải tuân theo một giới hạn nhất định: “Việc xác lập, thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự ko đc xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước, lợi ích cộng đồng, quyền, lợi ích hợp pháp của người khác.” (điều 10 BLDS năm 2005).
- Đặc trưng của phương pháp giải quyết các tranh chấp dân sự là “hoà giải” (điều 12 BLDS năm 2005).

## **IV: Quy phạm pháp luật dân sự:**

### **1. Cấu tạo quy phạm pháp luật:**

- Quy phạm pháp luật dân sự là những quy định của nhà nước về cách xử của các chủ thể trong những điều kiện và hoàn cảnh nhất định. Quy phạm pháp luật dân sự được cấu tạo bởi các phần: giả định, quy định và chế tài.

### **2. Các loại quy phạm pháp luật dân sự:**

- Quy phạm định nghĩa.
- Quy phạm mệnh lệnh.
- Quy phạm tùy nghi lựa chọn.
- Quy phạm tùy nghi.

## **V: Những nguyên tắc của luật dân sự:**

1. Nguyên tắc tự do, tự nguyện cam kết, thoả thuận (điều 4 BLDS năm 2005)
2. Nguyên tắc bình đẳng (điều 5 BLDS năm 2005)
3. Nguyên tắc thiện chí, trung thực (điều 6 BLDS năm 2005)
4. Nguyên tắc chịu trách nhiệm dân sự (điều 7 BLDS năm 2005)
5. Nguyên tắc tôn trọng đạo đức, truyền thống tốt đẹp của dân tộc (điều 8 BLDS năm 2005)
6. Nguyên tắc tôn trọng, bảo vệ các quyền dân sự (điều 9 BLDS năm 2005)
7. Nguyên tắc tôn trọng lợi ích của nhà nước, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác (điều 10 BLDS năm 2005)
8. Nguyên tắc tuân thủ pháp luật (điều 11 BLDS năm 2005)
9. Nguyên tắc hoà giải (điều 12 BLDS năm 2005)

# VI. NGUỒN CỦA LUẬT DÂN SỰ

## 1. Khái niệm nguồn của Luật DS:

- Theo nghĩa rộng:
- Theo nghĩa hẹp: nguồn của LDS là những văn bản pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành nhằm điều chỉnh các quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân

## 2. Phân loại nguồn của LDS

- Hiến pháp
- BLDS
- Các Luật, Bộ luật có liên quan
- Các văn bản dưới luật

1. Phân tích đối tượng và phạm vi điều chỉnh của Luật Dân sự?
2. Phân tích các đặc điểm của phương pháp điều chỉnh của Luật dân sự trong quan hệ sở hữu?
3. Nguồn của Luật dân sự? Phân tích các loại nguồn của Luật dân sự?
4. Mối liên hệ giữa Luật Dân sự với Luật hình sự, Luật hành chính, Luật thương mại?
5. Phân tích các đặc điểm của quan hệ tài sản do Luật Dân sự Việt Nam điều chỉnh?
6. Phân tích các nguyên tắc của Luật Dân sự thể hiện bản chất của quan hệ dân sự?
7. Phân tích các đặc điểm của quan hệ nhân thân do Luật Dân sự Việt Nam điều chỉnh?
8. Phân tích các căn cứ làm phát sinh, chấm dứt quan hệ pháp luật dân sự?

**BÀI 2.**  
**NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG**  
**CỦA LUẬT DÂN SỰ VIỆT**  
**NAM**



# **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

```
graph TD; A[NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG] --> B[Quan hệ pháp luật Dân sự]; A --> C[Các chủ thể trong quan hệ pháp luật dân sự];
```

**Quan hệ  
pháp luật  
Dân sự**

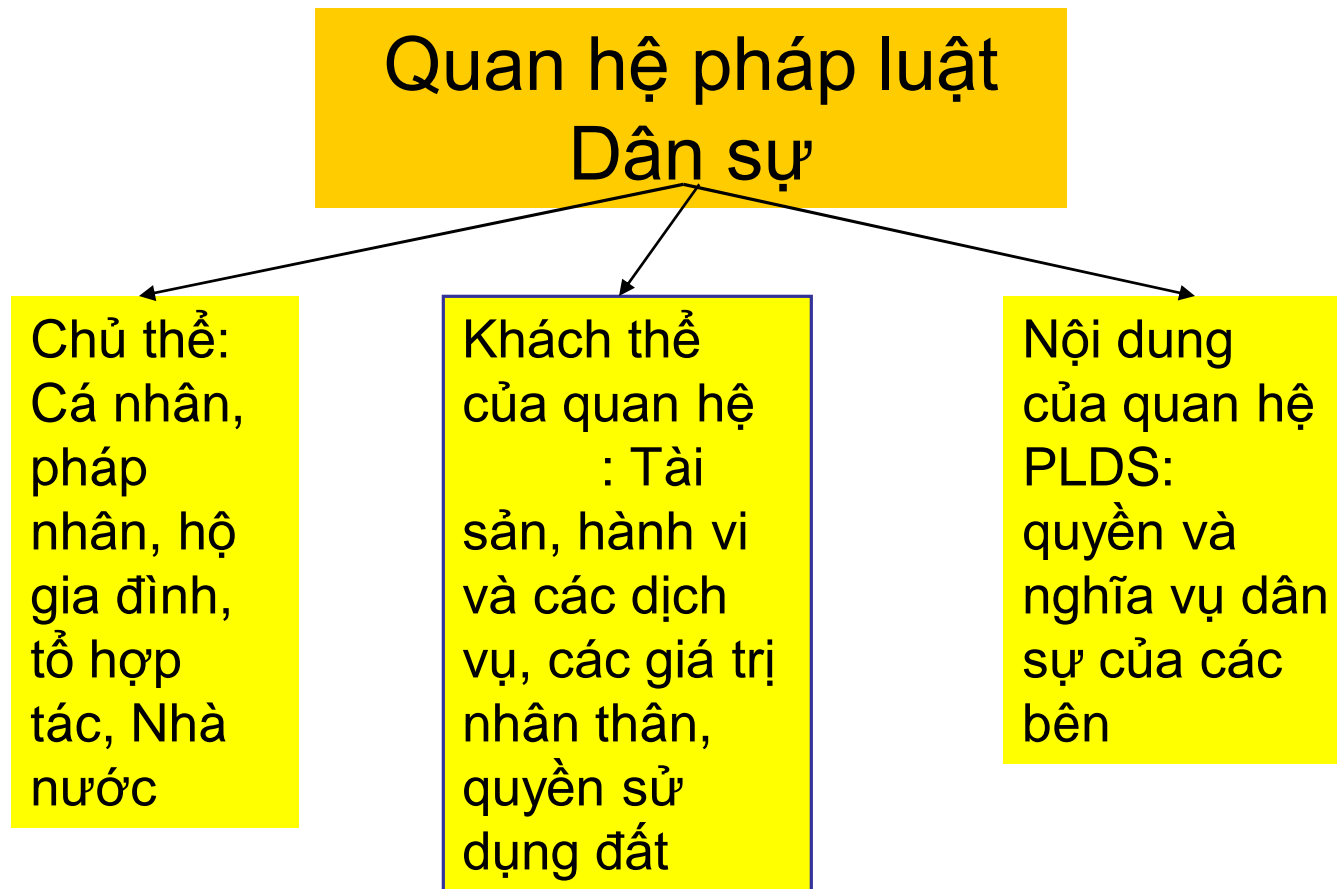
**Các chủ  
thể trong  
quan hệ  
pháp luật  
dân sự**

# I. Quan hệ pháp luật Dân sự

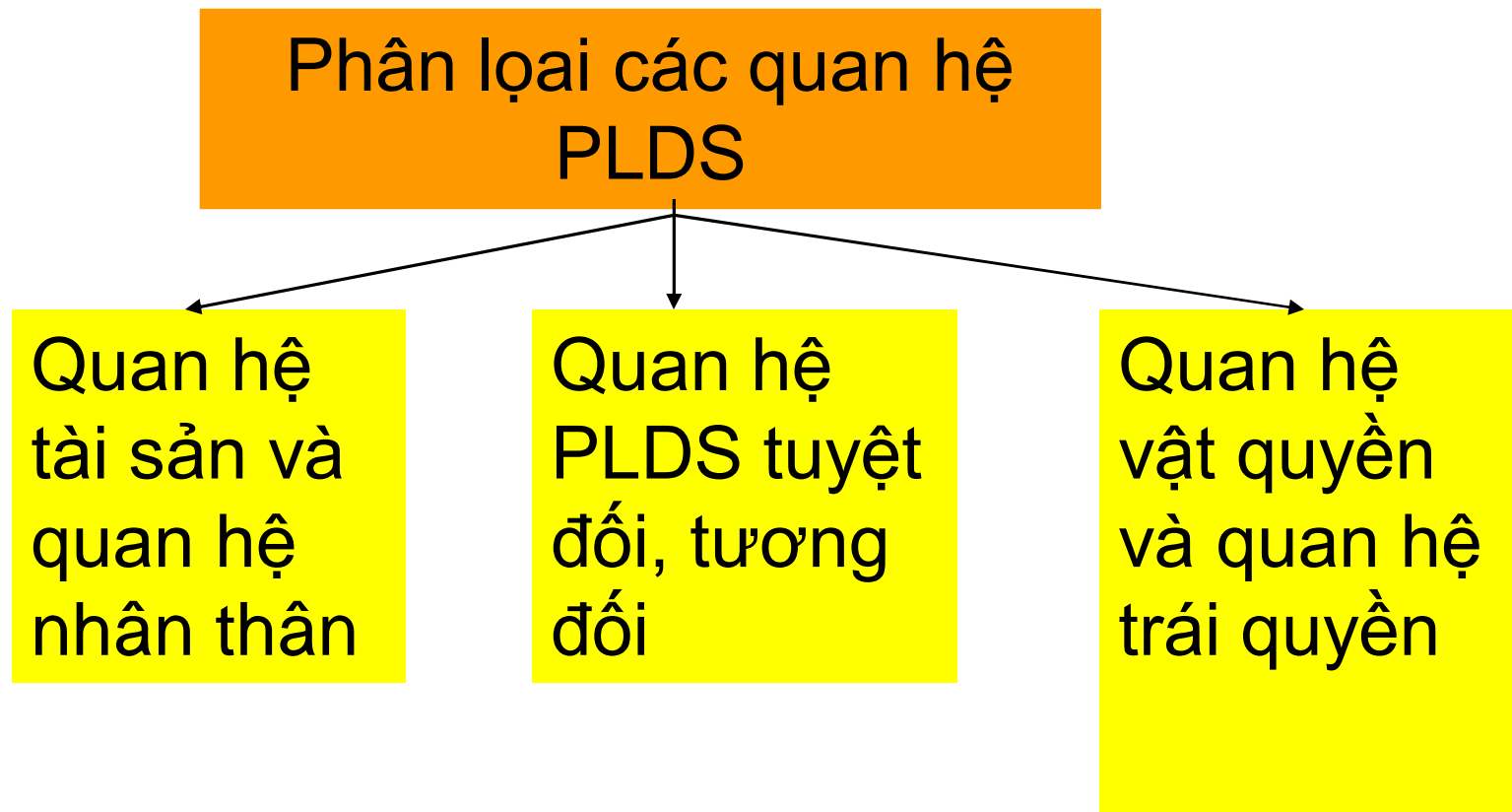
## 1. Khái niệm

Là các quan hệ xã hội được các quy phạm pháp luật dân sự điều chỉnh, tạo ra các quyền và nghĩa vụ pháp lý của các bên tham gia quan hệ và các quyền, nghĩa vụ này được Nhà nước bảo đảm thực hiện

## 2. Các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật Dân sự.



# 3. Phân loại quan hệ PLDS



# 4. Các căn cứ phát sinh, thay đổi, chấm dứt QHPLDS

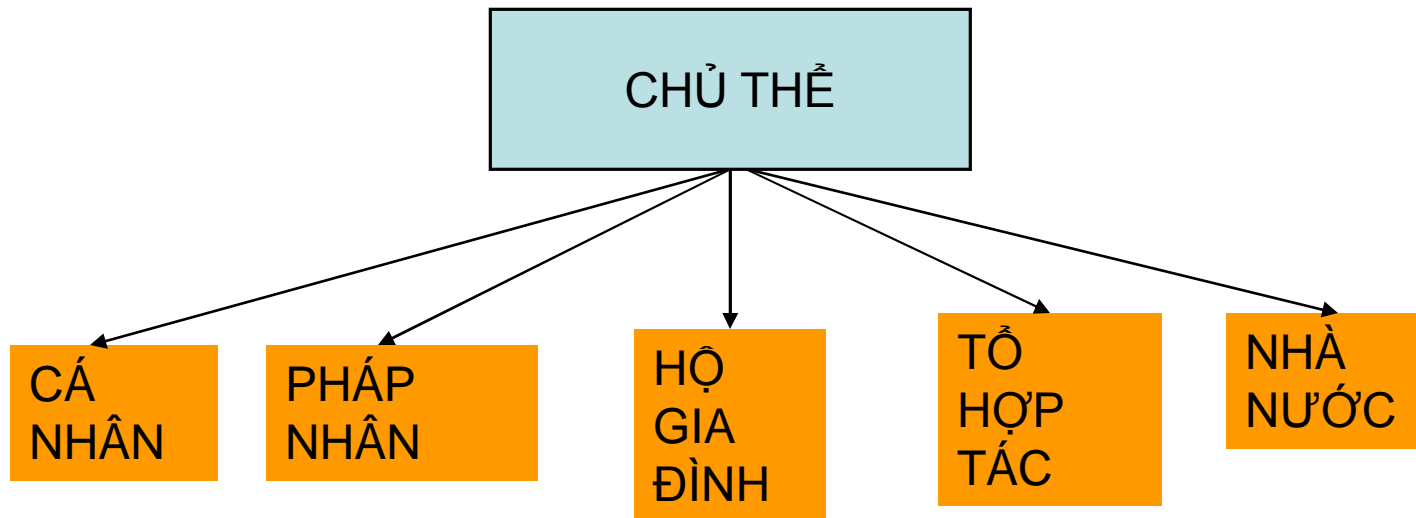
## a. Sự kiện pháp lý:

Là những sự kiện xảy ra trong thực tế mà pháp luật dự liệu, quy định làm phát sinh các hậu quả pháp lý là làm phát sinh, thay đổi hay chấm dứt QHPLDS

## b. Phân loại sự kiện pháp lý:

- Hành vi pháp lý (hợp pháp hoặc bất hợp pháp)
- Xử sự pháp lý
- Sự biến pháp lý
- Thời hạn

## II. Các chủ thể trong quan hệ pháp luật Dân sự



# A. CÁ NHÂN:

## 1. Năng lực pháp luật dân sự của cá nhân

### 1.1. Khái niệm:

“Năng lực pháp luật dân sự của cá nhân là khả năng của cá nhân có quyền dân sự và có nghĩa vụ dân sự”.

### 1.2. Đặc điểm:

- Được nhà nước quy định trong các văn bản pháp luật dựa trên cơ sở mức độ phát triển về kinh tế, văn hóa, xã hội.
- Mọi cá nhân đều bình đẳng về năng lực pháp luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định mà chủ yếu là chế tài đối với người phạm tội.
- Gắn liền với cá nhân con người, xuất hiện từ khi con người sinh ra và chấm dứt khi con người chết đi.

# CÁC CHỦ THỂ TRONG QUAN HỆ PHÁP LUẬT DÂN SỰ

## 1.3: Nội dung

- Quyền nhân thân: “là quyền dân sự gắn liền với mỗi cá nhân, không thể chuyển giao cho người khác, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”.
- Quyền sở hữu, quyền thừa kế và các quyền khác đối với tài sản: Là quyền đặc biệt quan trọng của cá nhân, thông qua quyền này cá nhân có thể thỏa mãn nhu cầu vật chất hoặc tinh thần của mình.
- Quyền tham gia quan hệ dân sự và có nghĩa vụ phát sinh từ quan hệ đó.



# CÁC CHỦ THỂ TRONG QUAN HỆ PHÁP LUẬT DÂN SỰ

## 2. Năng lực hành vi dân sự của cá nhân

### 2.1. Khái niệm:

Năng lực hành vi dân sự của cá nhân là khả năng của cá nhân bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự.

### 2.2. Các mức năng lực hành vi dân sự của cá nhân:

- Người từ đủ 18 tuổi trở lên: có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.
- Người từ đủ 6 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi: có năng lực hành vi dân sự một phần.

*Trường hợp người đủ 15 đến chưa đủ 18 tuổi có tài sản riêng đủ để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ, thì có thể tự mình xác lập, thực hiện các giao dịch dân sự*

- Người chưa đủ 6 tuổi: không có năng lực hành vi dân sự

# CÁC CHỦ THỂ TRONG QUAN HỆ PHÁP LUẬT DÂN SỰ

- Mất năng lực hành vi dân sự: Đối với người mắc bệnh tâm thần hoặc các bệnh khác mà không thể nhận thức và làm chủ được hành vi của mình: Tòa án ra quyết định tuyên bố người đó mất năng lực hành vi dân sự trên cơ sở kết luận của tổ chức giám định có thẩm quyền.
- Người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự: trường hợp một người bị nghiện ma túy hoặc các chất kích thích khác dẫn đến có hành vi phá sản tài sản thì khi có yêu cầu của những người có quyền và lợi ích có liên quan Tòa án sẽ ra tuyên bố hạn chế NLHVDS.

Mọi giao dịch dân sự liên quan đến tài sản của người đó phải được người đại diện theo pháp luật của người đó đồng ý.

# CÁC CHỦ THỂ TRONG QUAN HỆ PHÁP LUẬT DÂN SỰ

## **3. Nơi cư trú**

- Nơi cư trú của cá nhân là nơi người đó thường xuyên sinh sống, trường hợp không xác định được theo điều này thì nơi cư trú là nơi người đó đang sinh sống.

## **4. Giám hộ**

### **4.1. Khái niệm:**

- Giám hộ là việc cá nhân, tổ chức hoặc cơ quan Nhà nước được pháp luật quy định hoặc được cử để thực hiện việc chăm sóc và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên, người mắc bệnh tâm thần hoặc các bệnh khác mà không thể nhận thức và làm chủ được hành vi của mình.

# CÁC CHỦ THỂ TRONG QUAN HỆ PHÁP LUẬT DÂN SỰ

## 4.2. Người được giám hộ

- Người chưa thành niên: từ 18 tuổi trở xuống mà không còn cha, mẹ; không xác định được cha, mẹ; hoặc cha và mẹ đều mất năng lực hành vi dân sự, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, bị tòa án hạn chế quyền của cha, mẹ hoặc tuy cha, mẹ còn nhưng cha, mẹ không có điều kiện chăm sóc, giáo dục con chưa thành niên và nếu cha mẹ có yêu cầu cử người giám hộ cho con chưa thành niên của mình. Có 2 mức giám hộ:
  - + Dưới 15 tuổi phải có người giám hộ.
  - + Đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi không bắt buộc phải có người giám hộ.
- Người bị mất năng lực hành vi do bị bệnh tâm thần hoặc mất các bệnh khác mà không có khả năng nhận thức và điều khiển được hành vi của mình cũng là buộc phải được giám hộ

# CÁC CHỦ THỂ TRONG QUAN HỆ PHÁP LUẬT DÂN SỰ

## 4.3. Người giám hộ:

- Định nghĩa: “Là người thay mặt cho người được giám hộ trong các quan hệ pháp luật dân sự và chăm sóc, giáo dục người được giám hộ
- Điều kiện:
  - + Đủ 18 tuổi trở lên
  - + Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ
  - + Có điều kiện cần thiết đảm bảo thực hiện hành vi dân sự

## 4.4. Các hình thức giám hộ:

- + Giám hộ đương nhiên.
- + Giám hộ của cơ quan lao động thương binh và xã hội.
- + Giám hộ cử.

# CÁC CHỦ THỂ TRONG QUAN HỆ PHÁP LUẬT DÂN SỰ

## **5. Tuyên bố mất tích, tuyên bố chết**

- Tuyên bố mất tích: Người bị biệt tích 2 năm. (hậu quả pháp lý...)
- Tuyên bố chết: 4 trường hợp: (hậu quả pháp lý)
  - Biệt tích 5 năm.
  - Mất tích 3 năm
  - Mất tích trong chiến tranh mà sau 5 năm kể từ ngày chiến tranh chấm dứt vẫn không có tin tức gì về người này
  - Mất tích trong tai nạn, thảm họa hoặc thiên tai mà sau 1 năm từ thời điểm kết thúc tai nạn, thảm họa, thiên tai...vẫn không tìm thấy người này

# CÁC CHỦ THỂ TRONG QUAN HỆ PHÁP LUẬT DÂN SỰ

## B. PHÁP NHÂN

### 1. Khái niệm:

Một tổ chức được công nhận là pháp nhân khi có đủ các điều kiện sau

- Được thành lập hợp pháp.
- Có cơ cấu tổ chức chặt chẽ.
- Có tài sản độc lập với cá nhân, tổ chức khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản đó.
- Nhân danh mình tham gia các quan hệ pháp luật một cách độc lập.

# CÁC CHỦ THỂ TRONG QUAN HỆ PHÁP LUẬT DÂN SỰ

## **2. Các loại pháp nhân**

- Cơ quan Nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân.
- Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.
- Tổ chức kinh tế.
- Tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp.
- Quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

## **3. Năng lực chủ thể của pháp nhân**

Năng lực pháp luật dân sự của pháp nhân là khả năng của pháp nhân có các quyền, nghĩa vụ dân sự phù hợp với mục đích hoạt động của mình.

Đối với pháp nhân, năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự phát sinh và chấm dứt cùng thời điểm.



# CÁC CHỦ THỂ TRONG QUAN HỆ PHÁP LUẬT DÂN SỰ

## **6. Tên gọi của pháp nhân:**

Phải thể hiện rõ loại hình tổ chức của pháp nhân và phân biệt với các pháp nhân khác trong cùng một lĩnh vực hoạt động. Pháp nhân phải sử dụng tên gọi của mình trong giao dịch dân sự.

## **7. Trụ sở của pháp nhân:**

Là nơi đặt cơ quan điều hành của pháp nhân. Nó có ý nghĩa pháp lý như nơi cư trú của cá nhân. Mỗi pháp nhân chỉ có một trụ sở nhưng có thể có nhiều chi nhánh hoặc văn phòng đại diện ở nơi khác với nơi đặt trụ sở của pháp nhân. Hoạt động của văn phòng đại diện và chi nhánh là hoạt động đại diện của pháp nhân.

# CÁC CHỦ THỂ TRONG QUAN HỆ PHÁP LUẬT DÂN SỰ

## **4. Hoạt động của pháp nhân**

- Khi tham gia vào các quan hệ pháp luật, pháp nhân phải thông qua hành vi của những người đại diện của pháp nhân.
- Đại diện của pháp nhân có thể là đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền.

## **5. Cơ quan điều hành của pháp nhân**

Những người đảm nhận các công việc quản lý tài sản và quyết định các công việc chung của tập thể các thành viên được gọi là cơ quan điều hành của pháp nhân.

## C. HỘ GIA ĐÌNH

### 1. Khái niệm :

Những hộ gia đình mà các thành viên có tài sản chung để hoạt động kinh tế chung trong quan hệ sử dụng đất, trong các hoạt động sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp và trong một số các lĩnh vực kinh doanh khác do pháp luật quy định là các chủ thể các quan hệ dân sự đó

## **2. Năng lực chủ thể hộ gia đình:**

Năng lực chủ thể của hộ gia đình có những nét tương đồng với năng lực chủ thể của pháp nhân ở chỗ:

- Năng lực pháp luật và năng lực hành vi của hộ gia đình phát sinh đồng thời với việc hình thành hộ gia đình với tư cách chủ thể.
- Năng lực chủ thể của hộ gia đình do pháp luật quy định và có tính chất hạn chế trong một số lĩnh vực, đó là “hoạt động kinh tế chung trong quan hệ sử dụng đất, trồng sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp và trong một số lĩnh vực sản xuất kinh doanh khác do pháp luật quy định”

### **3. Hoạt động và trách nhiệm của hộ gia đình:**

- Hoạt động: Hộ gia đình hoạt động với tư cách chủ thể trong quan hệ dân sự thông qua đại diện của hộ gia đình mà pháp luật gọi là “chủ hộ”.
- Trách nhiệm dân sự: Hộ gia đình phải chịu trách nhiệm dân sự về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự do người đại diện của hộ gia đình xác lập, thực hiện nhân danh hộ gia đình.

## D. TỔ HỢP TÁC

### 1. Khái niệm

Tổ hợp tác được hình thành trên cơ sở hợp đồng hợp tác có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn của từ ba cá nhân trở lên, cùng đóng góp tài sản, công sức để thực hiện những công việc nhất định, cùng hưởng lợi và cùng chịu trách nhiệm, là chủ thể trong các quan hệ dân sự.

## **2. Năng lực chủ thể của tổ hợp tác**

Năng lực chủ thể của tổ hợp tác là năng lực chuyên biệt - chỉ được thực hiện những công việc đã được ghi nhận trong hợp đồng hợp tác. Năng lực chủ thể của tổ hợp tác phát sinh đồng thời với việc thành lập và chấm dứt khi chấm dứt sự tồn tại của tổ hợp tác với tư cách là một chủ thể. Khi chấm dứt, tổ hợp tác phải thanh toán các khoản nợ bằng tài sản chung của tổ, nếu không đủ phải dùng các tài sản riêng của tổ viên để thanh toán.

## **3. Tài sản của tổ hợp tác**

Tài sản do các tổ viên đóng góp, cùng tạo lập và được tặng cho chung là tài sản của tổ hợp tác.

## **4. Hoạt động và trách nhiệm của tổ hợp tác:**

### **a) Hoạt động**

Tổ hợp tác hoạt động thông qua đại diện của tổ. Đại diện của tổ là tổ trưởng do các tổ viên bầu ra.

### **b) Trách nhiệm dân sự của tổ hợp tác**

- Tổ hợp tác phải chịu trách nhiệm dân sự về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự do người đại diện xác lập, thực hiện nhân danh tổ hợp tác.
- Tổ hợp tác chịu trách nhiệm dân sự bằng tài sản của tổ; nếu tài sản không đủ để thực hiện nghĩa vụ chung của tổ thì tổ viên phải chịu trách nhiệm liên đới theo phần tương ứng với phần đóng góp bằng tài sản riêng của mình.



# CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Năng lực chủ thể của cá nhân? So sánh năng lực chủ thể của cá nhân với năng lực chủ thể của pháp nhân?
2. Hạn chế năng lực pháp luật dân sự của cá nhân? (Điều kiện, nguyên nhân, hậu quả pháp lý)
3. Hạn chế năng lực hành vi dân sự của cá nhân? (Điều kiện, nguyên nhân, hậu quả pháp lý)
4. Tuyên bố cá nhân mất tích, tuyên bố chết? (Điều kiện, hậu quả pháp lý)
5. Mức độ năng lực hành vi dân sự của cá nhân? Ý nghĩa của việc xác định mức độ năng lực hành vi dân sự của cá nhân?

# Bài tập:

1. Anh A 25 tuổi, không bị bệnh tâm thần nhưng bị mù mắt và cụt tay muốn giao kết hợp đồng mua bán với anh C. Hỏi, anh A có đầy đủ NLPL và NLHVDS để giao kết hợp đồng hay không?
2. Anh A đi khỏi nhà tù 1/1/2007. Chị B là vợ anh A đến tòa án vào ngày 1/10/2009 để yêu cầu tuyên bố mất tích đối với anh được hay không ? Tại sao ?
3. Anh X đi khỏi nhà tù năm 2000, gia đình đã yêu cầu tòa án tuyên bố chết đối với anh năm 2008 (nhưng thật ra anh vẫn còn sống). Năm 2009 anh giao kết hợp đồng với anh M. Hỏi, trường hợp này việc giao kết hợp đồng của X có phù hợp quy định của pháp luật hay không ? Tại sao ?
4. Cô X 15 tuổi, muốn giao kết hợp đồng lao động với doanh nghiệp M. Quan điểm của anh (chị) về vấn đề này như thế nào?
5. Nói “Năng lực hành vi của con người có từ khi con người sinh ra” có đúng không? Tại sao?
6. Hãy cho biết NLHVDS của cá nhân xuất hiện bắt đầu từ khi nào?

# BÀI 3

GIAO DỊCH DÂN SỰ, ĐẠI  
DIỆN, THỜI HẠN, THỜI HIỆU

# I. GIAO DỊCH DÂN SỰ

## 1. Khái niệm và ý nghĩa:

Giao dịch dân sự là hợp đồng hoặc hành vi pháp lý đơn phương làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự.

## 2. Phân loại

- Hợp đồng dân sự
- Hành vi pháp lý đơn phương
- Giao dịch có điều kiện

### **3. Điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự:**

- Người tham gia có năng lực hành vi dân sự.
- Mục đích và nội dung của giao dịch không trái pháp luật, đạo đức xã hội.
- Người tham gia hoàn toàn tự nguyện (không có lừa dối, giả tạo...)
- Hình thức của giao dịch dân sự phải phù hợp với quy định của pháp luật.

### **4. Hình thức giao dịch dân sự:**

Giao dịch dân sự được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc hành vi cụ thể. Trong TH PL quy định giao dịch dân sự phải được thể hiện bằng văn bản, phải có công chứng hoặc chứng thực, phải đăng kí hoặc xin phép thì phải tuân theo các quy định đó.

# 5. Giao dịch Dân sự vô hiệu và hậu quả pháp lý:

- a. **KN về giao dịch dân sự vô hiệu:** Là giao dịch dân sự vi phạm một trong các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự.

Phân loại: vô hiệu toàn bộ, vô hiệu một phần; vô hiệu tương đối, vô hiệu tuyệt đối

## b. Các trường hợp vô hiệu:

- Vô hiệu tương đối (do được xác lập bởi người chưa thành niên, người mất NLHVDS, người bị hạn chế NLHVDS; có yếu tố nhầm lẫn; đe dọa, lừa dối, người giao kết gdds có đủ NLHV nhưng đã giao kết gd ở thời điểm không nhận thức được hành vi của mình)
- Vô hiệu tuyệt đối: giả tạo, vi phạm về hình thức, vi phạm điều cấm của pháp luật và trái đạo đức xã hội

## c. Hậu quả pháp lý của tuyên bố vô hiệu

- Cơ quan có thẩm quyền ra tuyên bố: Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền.
- Thời hiệu khởi kiện: 2 năm hoặc không giới hạn.
- Hậu quả pháp lý: GDDS vô hiệu không phát sinh hiệu lực từ thời điểm xác lập, Các bên phải khôi phục tình trạng ban đầu như trước khi xác lập giao dịch.
- Bên có lỗi gây ra thiệt hại phải bồi thường.

## II. ĐẠI DIỆN

1. **KN.** Đại diện là việc một người (được gọi là người đại diện) nhân danh và vì lợi ích của người khác (được gọi là người được đại diện) xác lập, thực hiện giao dịch dân sự trong phạm vi đại diện.

Quan hệ đại diện được xác lập theo pháp luật hoặc theo ủy quyền.

### 2. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật bao gồm:

- 1. Cha, mẹ đối với con chưa thành niên;
- 2. Người giám hộ đối với người được giám hộ;
- 3. Người được Tòa án chỉ định đối với người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- 4. Người đứng đầu pháp nhân theo quy định của điều lệ pháp nhân hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- 5. Chủ hộ gia đình đối với hộ gia đình;
- 6. Tổ trưởng tổ hợp tác đối với tổ hợp tác;
- 7. Những người khác theo quy định của pháp luật.



### 3. Phạm vi đại diện

- Người đại diện theo pháp luật có quyền xác lập, thực hiện mọi giao dịch dân sự vì lợi ích của người được đại diện, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.
- Phạm vi đại diện theo ủy quyền được xác lập theo sự ủy quyền.
- Người đại diện chỉ được thực hiện giao dịch dân sự trong phạm vi đại diện.
- Người đại diện phải thông báo cho người thứ ba trong giao dịch dân sự biết về phạm vi đại diện của mình.
- Người đại diện không được xác lập, thực hiện các giao dịch dân sự với chính mình hoặc với người thứ ba mà mình cũng là người đại diện của người đó, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

### III. THỜI HẠN

- Thời hạn là một khoảng thời gian được xác định từ thời điểm này đến thời điểm khác. Thời hạn có thể được tính bằng phút, giờ, ngày, tuần, tháng, năm hoặc bằng một sự kiện có thể sẽ xảy ra.
  - a) Một năm là ba trăm sáu mươi lăm ngày;
  - b) Nửa năm là sáu tháng;
  - c) Một tháng là ba mươi ngày;
  - d) Nửa tháng là mười lăm ngày;
  - đ) Một tuần là bảy ngày;
  - e) Một ngày là hai mươi tư giờ;
  - g) Một giờ là sáu mươi phút;
  - h) Một phút là sáu mươi giây.

# IV. THỜI HIỆU

## 1. Khái niệm:

Thời hiệu là thời hạn do pháp luật quy định mà khi kết thúc thời hạn đó thì chủ thể được hưởng quyền dân sự, được miễn trừ nghĩa vụ dân sự hoặc mất quyền khởi kiện vụ án dân sự, quyền yêu cầu giải quyết việc dân sự.

## 2. Các loại thời hiệu

- 1. Thời hiệu hưởng quyền dân sự là thời hạn mà khi kết thúc thời hạn đó thì chủ thể được hưởng quyền dân sự.
- 2. Thời hiệu miễn trừ nghĩa vụ dân sự là thời hạn mà khi kết thúc thời hạn đó thì người có nghĩa vụ dân sự được miễn việc thực hiện nghĩa vụ.
- 3. Thời hiệu khởi kiện là thời hạn mà chủ thể được quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm; nếu thời hạn đó kết thúc thì mất quyền khởi kiện.
- 4. Thời hiệu yêu cầu giải quyết việc dân sự là thời hạn mà chủ thể được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức, lợi ích công cộng, lợi ích của Nhà nước; nếu thời hạn đó kết thúc thì mất quyền yêu cầu.

# Bài tập:

1. A đang thương lượng với B bán cho mình một lô đất với giá 600 triệu. B vẫn chưa muốn bán vì cho rằng giá 600t là còn quá rẻ. Ngày 1/1/2009 A chuẩn bị sẵn sàng hợp đồng mua bán ghi giá 600t, sau đó A đến rủ B đi nhận. Khi B đã thực sự rất xin thì A đưa Hđ ra cho B ký vào. Ngày hôm sau khi tỉnh dậy B không đồng ý và muốn yêu cầu tuyên bố Hđ này vô hiệu, có được hay không ? Tại sao ?
2. Anh Chả và chị Nem là vợ chồng hợp pháp của nhau. Một hôm, nhận chị Nem vắng nhà, anh Chả mang giấy tờ nhà đất mà mình đứng tên sang bán cho bà Hên. Khi chị Nem phát hiện, chị đã yêu cầu tòa án tuyên bố giao dịch dân sự mà chồng mình đã xác lập là vô hiệu và đòi lại nhà đất đã bán. Hỏi yêu cầu của chị có thể chấp nhận được hay không ? Tại sao ?

3. Ngày 1/7/2007, anh A là người VN định cư ở nước ngoài được Bộ GDĐT VN mời về hợp tác giảng dạy với thời hạn 3 năm. Để thuận tiện cho việc sinh sống và làm việc nên anh A đã mua căn nhà số 7 đường X quận Y thành phố H và nhờ anh B đứng tên chủ sở hữu. Vì làm ăn thua lỗ nên anh B đã bán căn nhà trên cho C. Biết được việc trên, anh A đã khởi kiện ra tòa án nhân dân quận Y yêu cầu tuyên bố HĐ mua bán vô hiệu với lí do nhà trên là nhà của Minh. Anh chị hãy căn cứ vào quy định của PL để giải quyết tranh chấp trên.
4. A có một chiếc bình cổ, A đến 1 chuyên gia (ít kinh nghiệm) để biết về niên đại của chiếc bình cổ và được nhà chuyên gia này cho biết nó có từ nhà Thanh và có giá khoảng 1000 USD và A quyết định bán chiếc bình cho B với giá là 1000 USD. Khi B đã mua lại chiếc bình và đến nhờ chuyên gia khác (nhiều kinh nghiệm) và được chuyên gia này cho biết là có từ thời nhà Minh và có giá là khoảng 5000 USD. khi biết được chuyện này A đã yêu cầu tòa án tuyên bố giao dịch dân sự đã xác lập là vô hiệu, hỏi trường hợp này căn cứ có thể yêu cầu tuyên bố vô hiệu là gì ? Tòa án có thể tuyên bố giao dịch mua bán giữa A và B là vô hiệu được hay không? Tại sao?

5. A và B đến khu vực khai thác mỏ đá chơi nhân dịp nghỉ lễ. A nhặt được một viên đá thô nhiều màu sắc rất đẹp, B nói “là đá thường thôi chứ không phải đá quý đâu, làm gì có chuyện đá quý mà nổi lên trên mặt đất như thế”, nói xong xin A viên đá đẹp về nhà cho con chơi. A cho B viên đá, một tháng sau A phát hiện viên đá mình nhặt được thực chất là một viên hồng ngọc nên đến nhà B đòi lại, B không đồng ý. Tranh chấp xảy ra, A khởi kiện yêu cầu tuyên bố giao dịch tặng cho đã xác lập là vô hiệu để đòi lại viên đá. Theo anh, chị, yêu cầu của A có phù hợp với quy định của pháp luật hay không? Tại sao? Cơ sở pháp lý (nếu có)

6. Tháng 4-2008, bà M. đặt cọc hơn 5 tỉ đồng để mua hai căn nhà ở quận 11, TP.HCM của ông C. với giá 7 tỉ đồng. Sau khi hoàn tất các giấy tờ liên quan, hai căn nhà trên đã được đăng bộ với tên bà M.
- Bảy tháng sau, bà M. bất ngờ nhận được giấy triệu tập của Tòa án quận 11 yêu cầu bà đến tòa.
  - Tại phiên sơ thẩm, ông C thừa nhận đã nợ hai nguyên đơn A và B mỗi người 1 tỉ đồng và Tòa án đã buộc ông phải trả cho mỗi người 1 tỉ đồng. Hai chủ nợ của ông C. cũng đã yêu cầu tòa tuyên bố vô hiệu hợp đồng mua bán nhà giữa ông C. và bà M. vì hợp đồng mua bán một trong hai căn nhà qua công chứng chỉ ghi giá 400 triệu đồng, không phù hợp với giá trị thật (dù bà M. có đầy đủ giấy tờ chứng minh ông C. đã nhận đủ 7 tỉ đồng cho hai căn nhà). Đây là hợp đồng giả tạo nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ của ông C. nên vô hiệu. Và A B cũng đồng thời yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa một trong hai căn trên để đảm bảo thi hành án.
  - *Hỏi, yêu cầu của A và B về việc tuyên bố hợp đồng mua bán nhà giữa C và M là vô hiệu và áp dụng biện pháp phong tỏa nhà để bảo đảm thi hành án trả tiền vay tài sản cho A và B có thể chấp nhận được hay không theo các quy định của pháp luật hiện hành? Tại sao?*

7. Ông H là giám đốc công ty X (có tư cách pháp nhân), vì bận đi công tác trong một thời gian dài nên ông H làm giấy ủy quyền cho ông M thay mặt mình ký kết và thực hiện các hợp đồng trong thời gian ông đi vắng. Hợp đồng ủy quyền có thời hạn từ 1/1/2009 đến 31/12/2009. Ngày 1/7/2009 ông H chết ở nước ngoài. Hỏi, việc ông H chết có làm chấm dứt tư cách đại diện của ông M không? Tại sao?
8. A và B thỏa thuận hợp đồng mua bán nhà với giá 125 cây vàng. Cả hai bên thỏa thuận ghi giá trong hợp đồng là 25 cây vàng. Sau khi hợp đồng đã được công chứng bên mua là A không tiếp tục giao số vàng còn lại (100 cây vàng) vì cho rằng mình đã hoàn tất nghĩa vụ thanh toán. Bên bán là B khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng mua bán là vô hiệu. Yêu cầu có thể được tòa án chấp nhận được hay không? Tại sao?



9. Ngày 21/4/2006, ông Trường là bác sỹ y ngoại tổng quát và bà Thu có lập hợp đồng thỏa thuận hợp tác thành lập Công ty cổ phần đầu tư thẩm mỹ Xuân Trường với ngành nghề kinh doanh gồm mua bán mỹ phẩm, trang thiết bị y tế, dụng cụ thẩm mỹ, y ngoại tổng quát, đào tạo nghề. Ông Trường là Tổng Giám đốc. Lợi nhuận công ty sau khi trừ chi phí hoạt động chia đều 50% cho ông Trường và bà Thu. Công ty đã đi vào hoạt động được khoảng 2 tháng thì hai bên bắt đầu có mâu thuẫn do bà Thu phát hiện ông Trường không thực hiện được các nghiệp vụ về thẩm mỹ và tuyên bố trả lại phần vốn đầu tư, chấm dứt hợp đồng với ông để bà tìm người khác hợp tác. Ông Trường khởi kiện yêu cầu bà Thu phải bồi thường cho ông các khoản thiệt hại và khoản tiền mà ông đã đầu tư vào công ty.

- Giải quyết:

Tòa án đã tuyên hợp đồng hợp tác giữa ông Trường và bà Thu là vô hiệu do nhầm lẫn (Tòa án đã viện dẫn Điều 131, BLDS năm 2005). Cơ sở để Tòa án cho rằng có sự nhầm lẫn trong hợp đồng thỏa thuận hợp tác giữa ông Trường và bà Thu là “Bà Thu không phải là bác sỹ nên bị nhầm lẫn y ngoại tổng quát với phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ ngay từ khi xác lập hợp đồng thỏa thuận hợp tác”.

Ở đây, Tòa án cho rằng sự nhầm lẫn xuất phát từ nhận thức của bà Thu bởi bà đã nhầm “y ngoại tổng quát” là “phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ”. Điều đó có nghĩa là đối với bà Thu, có sự khác nhau giữa nhận thức của bà Thu về chuyên môn của ông Trường và “sự thật” về chuyên môn của ông Trường. Trong nhận thức của mình, bà Thu nghĩ rằng bằng cấp chuyên môn của ông Trường là y ngoại tổng quát, tức là ông Trường có chuyên môn về phẫu thuật thẩm mỹ nên mới hợp tác kinh doanh. Ông Trường có chuyên môn về y ngoại tổng quát nhưng ông lại không có chuyên môn về phẫu thuật thẩm mỹ. Như vậy, nếu có nhầm lẫn như Tòa án đã nhận định thì đây là nhầm lẫn về chủ thể giao kết hợp đồng.

10. Bà Lê Thị Hoà và ông Hoàng Hiếu Dân đã ly hôn ngày 11/5/2001, nhưng tại giấy vay ngày 18/1/2003 do ông Hoàng Hiếu Dân lập, xác định ông có vay bà Oanh 30 lượng vàng; phía dưới dòng chữ “Người vay” ông Dân ký tên và ghi rõ họ tên, phía bên phải giấy này có chữ ký bà Lê Thị Hoà. Đến hạn trả nợ ông Dân không trả được nợ, bà Oanh khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Dân và bà Hoà trả nợ, hãy cho biết ý kiến của anh chị về tình huống tranh chấp này.

- Theo Tòa án, “không đủ cơ sở xác định bà Lê Thị Hòa là người vay (...). Tuy nhiên, bà Oanh nêu bà chỉ đồng ý cho hai vợ chồng vay chứ không cho ông Dân vay, vì ông Hoàng Hiếu Dân và bà Lê Thị Hòa muốn giấu tình trạng hôn nhân giữa hai người nên bà Hòa dù không vay nợ nhưng vẫn ký thì bà cũng có một phần lỗi làm bà Oanh nhầm tưởng mà cho vay, nên đây là giao dịch dân sự vô hiệu do bị nhầm lẫn và phải tuyên bố giao dịch này vô hiệu, bà Lê Thị Hòa phải có một phần trách nhiệm, cụ thể là bà Lê Thị Hòa phải trả  $\frac{1}{2}$  số nợ là phù hợp”. Ở đây, Tòa án đã áp dụng “Điều 131; Điều 137 BLDS” 10 năm 2005, tức các quy định về nhầm lẫn trong BLDS.

**Bài 4**  
**TÀI SẢN VÀ QUYỀN SỞ HỮU**  
**TÀI SẢN**

# I. Tài sản theo quy định của Luật Dân sự Việt Nam hiện hành

## 1. Tài sản:

- Tài sản bao gồm vật, tiền, giấy tờ có giá và các quyền tài sản ( là quyền trị giá được bằng tiền và có thể chuyển giao trong giao dịch dân sự, kể cả quyền sở hữu trí tuệ ).

## 2. Khái niệm động sản và bất động sản:

- a. Bất động sản (do bản chất tự nhiên, bất động sản vì công dụng riêng, quyền đối với bất động sản)
- b. Động sản;

# 3. Phân loại vật và chế độ pháp lý đối với vật

- Vật chính và vật phụ;
- Vật chia được và vật không chia được;
- Vật tiêu hao và vật không tiêu hao;
- Vật cùng loại và vật đặc định;
- Vật đồng bộ.

## II. Quyền sở hữu:

### 1. Nội dung:

- Quyền sở hữu là quyền của chủ sở hữu đối với tài sản của mình. Quyền sở hữu của cá nhân, pháp nhân và chủ thể khác được pháp luật công nhận và bảo vệ, gồm:
  - Quyền chiếm hữu (chiếm hữu hợp pháp và chiếm hữu trái pháp luật)
- + Chiếm hữu trái pháp luật: chiếm hữu trái pháp luật ngay tình và chiếm hữu trái pháp luật không ngay tình.
  - Quyền sử dụng.
  - Quyền định đoạt.



## **2. Nguyên tắc thực hiện quyền sở hữu:**

Quyền sở hữu được thực hiện theo nguyên tắc chủ sở hữu thực hiện mọi hành vi theo ý chí của mình đối với tài sản nhưng không được gây thiệt hại hoặc làm ảnh hưởng đến lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền, lợi ích hợp pháp của người khác.

## **3. Đăng ký quyền sở hữu tài sản:**

Quyền sở hữu đối với bất động sản được đăng kí theo quy định của Bộ luật này và pháp luật về đăng kí bất động sản. Quyền sở hữu đối với động sản không phải đăng kí, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

#### 4. Căn cứ xác lập quyền sở hữu:

Quyền sở hữu được xác lập đối với tài sản trong các trường hợp sau đây:

- Do lao động, do hoạt động sản xuất, kinh doanh hợp pháp
- Được chuyển quyền sở hữu theo thỏa thuận hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- Thu hoa lợi, lợi tức
- Tạo thành vật mới do sáp nhập, trộn lẫn, chế biến;
- Được thừa kế tài sản
- Chiếm hữu trong các điều kiện do pháp luật quy định đối với **vật vô chủ; vật bị đánh rơi, bị bỏ quên**; bị chôn giấu, chìm đắm; **gia súc, gia cầm bị thất lạc**; vật nuôi dưới nước di chuyển tự nhiên.
- Chiếm hữu tài sản không có căn cứ pháp luật nhưng ngay tình, liên tục, công khai phù hợp với thời hiệu quy định tại khoản 1 điều 247 của BLDS 2005;
- Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

## 5. Căn cứ chấm dứt quyền sở hữu:

Quyền sở hữu chấm dứt trong các trường hợp sau

- Chủ sở hữu chuyển quyền sở hữu của mình cho người khác
- Chủ sở hữu từ bỏ quyền sở hữu của mình
- Tài sản bị tiêu hủy
- Tài sản bị xử lý để thực hiện nghĩa vụ của chủ sở hữu
- Tài sản bị trưng mua
- Tài sản bị tịch thu
- Vật bị đánh rơi, bị bỏ quên, gia súc, gia cầm bị thất lạc, vật nuôi dưới nước di chuyển tự nhiên mà người khác đã được xác lập quyền sở hữu trong các điều kiện do pháp luật quy định; tài sản mà người khác đã được xác lập quyền sở hữu theo quy định tại khoản 1 điều 247 của BLDS 2005.
- Các trường hợp khác do pháp luật quy định

### III. Các loại hình sở hữu theo quy định của pháp luật Dân sự VN hiện hành

- **SỞ HỮU CỦA TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP TỔ CHỨC XÃ HỘI, TỔ CHỨC XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP**
- **SỞ HỮU CỦA TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI**
- **SỞ HỮU CHUNG (theo phần hoặc hợp nhất)**
- **SỞ HỮU TƯ NHÂN**
- **SỞ HỮU TẬP THỂ (của hợp tác xã hoặc các loại hình kinh tế tập thể khác)**
- **SỞ HỮU NHÀ NƯỚC**

# **BÀI 5: NGHĨA VỤ DÂN SỰ** **VÀ HỢP ĐỒNG .**

## **A/.Nghĩa vụ dân sự:**

### **1.Khái niệm**

a. KN: Nghĩa vụ dân sự là việc mà theo đó, một hoặc nhiều chủ thể (gọi chung là bên có nghĩa vụ- thụ trái) phải chuyển giao vật, chuyển giao quyền, trả tiền hoặc giấy tờ có giá, thực hiện công việc khác hoặc không được thực hiện công việc nhất định vì lợi ích của một hoặc nhiều chủ thể khác (gọi chung là bên có quyền- trái chủ).

b. Đặc điểm của nghĩa vụ dân sự:

- Là một quan hệ pháp luật dân sự (khác với nghĩa vụ nói chung)
- Các bên chủ thể luôn xác định được.
- Quyền và nghĩa vụ của các bên luôn đối lập nhau (quyền dân sự của chủ thể có quyền là một quyền đối nhân)

- **2). Đối tượng của nghĩa vụ dân sự**
- **Gồm:**
  - Tài sản.
  - Công việc phải thực hiện.
  - Công việc không được thực hiện.
- **Đặc điểm của đối tượng của NVDS:**
  - Phải đáp ứng được một lợi ích nào đó của chủ thể có quyền.
  - Phải được xác định cụ thể.
  - Phải được thực hiện

### **3). Căn cứ làm phát sinh, chấm dứt nghĩa vụ dân sự:**

#### **a. Căn cứ làm phát sinh nghĩa vụ dân sự:**

- Hợp đồng dân sự.
- Hành vi pháp lí đơn phương.
- Chiếm hữu, sử dụng tài sản, được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật (Điều 599BLDS)
- Gây thiệt hại do hành vi trái pháp luật (Đ 604).
- Thực hiện công việc không có uỷ quyền (Điều 594 BLDS).
- Những căn cứ khác do pháp luật quy định.

## **b. Căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ dân sự:**

- - Nghĩa vụ được hoàn thành.
- - Theo thoả thuận của các bên.
- - Bên có quyền miễn việc thực hiện nghĩa vụ (Miễn nghĩa vụ chính-phụ).
- - Nghĩa vụ được thay thế bằng nghĩa vụ dân sự khác.
- - Nghĩa vụ được bù trừ (thỏa mãn các điều kiện cần thiết về chủ thể, thời hạn, những loại nghĩa vụ không được bù trừ...)
- - Bên có quyền và bên có nghĩa vụ hoà nhập làm một.
- - Thời hạn khởi kiện đã hết.
- - Một bên trong quan hệ nghĩa vụ chết.
- - Đối tượng là vật đặc định không còn (căn cứ chấm dứt nghĩa vụ giao đúng vật).
- - Trong trường hợp phá sản.



#### 4). Phân loại nghĩa vụ dân sự:

- Nghĩa vụ dân sự riêng rẽ. Là nghĩa vụ dân sự của nhiều người, không có sự liên quan lẫn nhau giữa những người có nghĩa vụ, có quyền
- Nghĩa vụ dân sự liên đới. Là nghĩa vụ dân sự của nhiều người, có sự liên quan với nhau (miễn...)
- Nghĩa vụ dân sự được phân chia theo phần (nếu đối tượng của nghĩa vụ là vật phân chia được hoặc công việc có thể phân chia...)
- Nghĩa vụ hoàn lại.
- Nghĩa vụ bổ sung (là một loại nghĩa vụ phụ như trong quan hệ bảo lãnh).

## 5). Thực hiện nghĩa vụ dân

### SỰ:

Thực hiện nghĩa vụ dân sự là việc người có nghĩa vụ phải làm hoặc không được làm một công việc theo một thời hạn nhất định đã được xác định trong nội dung của quan hệ nghĩa vụ dân sự qua đó thoả mãn quyền dân sự tương ứng của bên kia.

## a). Nguyên tắc thực hiện nghĩa vụ dân sự:

- Các bên phải thực hiện nghĩa vụ một cách trung thực.
- Phải thực hiện nghĩa vụ theo tinh thần các bên hợp tác với nhau.
- Phải thực hiện nghĩa vụ đúng cam kết.
- Việc thực hiện nghĩa vụ không được trái pháp luật, đạo đức xã hội.

## b. Nội dung của việc thực hiện NVDS

- Thực hiện đúng địa điểm (theo thỏa thuận hoặc theo pháp luật).
- Thực hiện NVDS đúng thời hạn (nếu không xác định thời hạn thì NV phải được thực hiện bất cứ lúc nào khi một trong hai bên có yêu cầu).
- Thực hiện đúng đối tượng
- Thực hiện đúng phương thức

## 6). Trách nhiệm dân sự do vi phạm nghĩa vụ:

### VỤ:

a. KN:

Trách nhiệm dân sự do vi phạm nghĩa vụ dân sự là sự cưỡng chế của nhà nước buộc bên vi phạm nghĩa vụ phải tiếp tục thực hiện đúng nghĩa vụ hoặc phải bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm nghĩa vụ của mình gây ra cho phía bên kia.

-b. Đặc điểm:

- Biểu hiện của hành vi vi phạm pháp luật trong trách nhiệm dân sự là việc không thực hiện, thực hiện không đúng nghĩa vụ,
- TNDS luôn gắn liền với tài sản,
- Có thể áp dụng trực tiếp với người vi phạm hoặc với người thứ ba

## c. Phân loại TNDS do vi phạm NVDS

C1. Trách nhiệm phải thực hiện nghĩa vụ dân sự

C2. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại.

- Có hành vi trái pháp luật. (những trường hợp ngoại lệ: NVDS không thực hiện hoàn toàn do lỗi của bên có quyền, do sự kiện bất khả kháng- sự kiện khách quan mà người có NV không thể biết trước và không tránh được)
- Có thiệt hại xảy ra trong thực tế (trực tiếp và gián tiếp)
- Mối liên hệ nhân quả giữa hành vi vi phạm và thiệt hại xảy ra.
- Có lỗi của người có hành vi vi phạm

## 7. Thay đổi chủ thể trong quan hệ nghĩa vụ

### a. Chuyển giao quyền yêu cầu:

Là sự thay đổi chủ thể có quyền trong quan hệ nghĩa vụ dân sự.

Có thể thực hiện thông qua hình thức bằng miệng hoặc bằng văn bản,

Chuyển giao cả biện pháp bảo đảm đi kèm

### b. Chuyển giao nghĩa vụ:

- Là sự thay đổi chủ thể có nghĩa vụ.
- Phải có sự đồng ý của chủ thể có quyền.
- Biện pháp bảo đảm chấm dứt
- Hình thức bằng miệng hoặc bằng văn bản

## 8). Bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự:

### a. Khái niệm:

- Về mặt khách quan: là sự quy định của pháp luật cho phép các chủ thể trong giao dịch dân sự áp dụng các biện pháp phù hợp với pháp luật để đảm bảo cho một nghĩa vụ chính được thực hiện; đồng thời xác định và bảo đảm quyền, nghĩa vụ của các bên trong biện pháp đó.
- Về mặt chủ quan: là việc thỏa thuận giữa các bên nhằm qua đó đặt ra các biện pháp tác động mang tính chất dự phòng để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ; đồng thời ngăn ngừa và khắc phục những hậu quả xấu do việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ gây ra.

**VÍ DU**: Ông A muốn dùng tài sản thế chấp là căn nhà ông đang sống cho ngân hàng Q để được vay 200 triệu nhằm xây dựng mới lại căn nhà đó thì có được hay không?

- Theo khoản 2 điều 320 BLDS năm 2005 quy định: “Vật dùng để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ dân sự là vật hiện có hoặc được hình thành trong tương lai. Vật hình thành trong tương lai là động sản, bất động sản thuộc sở hữu của bên bảo đảm sau thời điểm nghĩa vụ được xác lập hoặc giao dịch đảm bảo được giao kết.”
- Tại khoản 1 điều 342 BLDS năm 2005 cũng quy định: “Tài sản thế chấp cũng có thể là tài sản được hình thành trong tương lai.”
- Đối chiếu với các quy định nêu trên, ông A có thể dùng ngôi nhà ông đang sống làm tài sản thế chấp cho ngân hàng Q và ông được vay 200 triệu để xây lại ngôi nhà đó, vì ngôi nhà sắp được xây cũng được coi là tài sản hình thành trong tương lai. Tất nhiên, ngân hàng Q cũng pháp có biện pháp kiểm tra giám sát việc hình thành tài sản này.



## **b. Các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự:**

- Cầm cố tài sản
- Thế chấp tài sản
- Đặt cọc
- Bảo lãnh
- Ký cược
- Ký quỹ
- Tín chấp

## Bài tập áp dụng.

A vay tiền của ngân hàng B, 2 bên có thỏa thuận A thế chấp nhà thuộc quyền sở hữu của A để bảo đảm khoản vay (ngôi nhà có giá trị theo ngân định của B là 1 tỷ 600 triệu đồng). Bằng các quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm, hãy xác định nội dung pháp lý trong các trường hợp sau:

- + Dự tính giá trị khoản vay của A sẽ là bao nhiêu?
- + A có thể sử dụng ngôi nhà trên để đảm bảo các khoản vay khác tại ngân hàng B hoặc tại ngân hàng khác không?
- + Giả thiết giao dịch về thế chấp nhà xác lập giữa A và B là vô hiệu, hãy xác định các căn cứ làm vô hiệu giao dịch này. Đồng thời hãy xác định trường hợp giao dịch thế chấp nhà ở giữa A và B vô hiệu có làm vô hiệu giao dịch vay nợ giữa A và B?
  - + Giả thiết giao dịch vay nợ giữa A và B vô hiệu, nhà của A với tư cách là tài sản bảo đảm sẽ bị xử lý như thế nào?
- + Giả thiết A vi phạm nghĩa vụ đối với B nếu là B bạn xử lý như thế nào?
  - + Trong trường hợp A dùng nhà của mình để thế chấp, hoặc để cầm cố bảo đảm khoản vay với B, hãy cho biết sự khác nhau trong trường hợp này. Từ đó hãy cho biết đối với A thì biện pháp bảo đảm nào hiệu quả hơn và đối với B biện pháp nào hiệu quả hơn.?

## **B/. Hợp đồng dân sự**

### **1) Khái niệm:**

Hợp đồng dân sự là sự thoả thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên trong mua, bán, vay, mượn, tặng, cho tài sản, làm hoặc không làm một việc, dịch vụ hoặc các thoả thuận khác mà trong đó một hoặc các bên nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, tiêu dùng.

### **2) Nguyên tắc giao kết hợp đồng dân sự:**

- Tự do giao kết HĐ nhưng không được trái pháp luật, đạo đức xã hội.
- Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác, trung thực và ngay thẳng.

### **3) Hình thức HĐDS:**

- HĐDS có thể được giao kết bằng lời nói, bằng văn bản hoặc hành vi cụ thể, *khi pháp luật không quy định* loại hợp đồng đó phải được giao kết bằng 1 hình thức nhất định.
- Trường hợp pháp luật có quy định HĐ phải được thể hiện bằng văn bản *có công chứng hoặc chứng thực, phải đăng ký* thì phải tuân theo các quy định đó.

***\* / HĐ không bị vô hiệu trong trường hợp có vi phạm về hình thức, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.***

### **4). Thời điểm có hiệu lực của HĐDS:**

- HĐ miệng có hiệu lực tại thời điểm các bên thỏa thuận xong về những nội dung chủ yếu của hợp đồng.
- HĐ bằng văn bản có hiệu lực tại thời điểm bên sau cùng ký vào hợp đồng.
- HĐ bằng văn bản có công chứng, chứng thực.
- Những trường hợp đặc biệt khác do pháp luật quy định

## **5) Nội dung của HĐDS:**

- Đối tượng của HĐ
- Số lượng, chất lượng.
- Giá, phương thức thanh toán.
- Thời hạn, địa điểm, phương thức thực hiện HĐ.
- Quyền, nghĩa vụ của các bên.
- Trách nhiệm do vi phạm HĐ.
- Phạt vi phạm HĐ.
- Các nội dung khác.

## 6. Phân loại HĐDS:

- Dựa vào hình thức:
- Hợp đồng song vụ, đơn vụ.
- Hợp đồng chính và hợp đồng phụ.
- Hợp đồng có đền bù và hợp đồng không có đền bù.
- Hợp đồng thực tế và hợp đồng ượng thuận.
- Hợp đồng vì lợi ích của người thứ ba

## **7. Một số hợp đồng dân sự thường gặp**

- Hợp đồng mua bán tài sản.
- Hợp đồng trao đổi tài sản.
- Hợp đồng tặng cho tài sản.
- Hợp đồng vay tài sản.
- Hợp đồng thuê tài sản.
- Hợp đồng mượn tài sản.
- Hợp đồng dịch vụ.
- Hợp đồng vận chuyển.
- Hợp đồng gia công.
- Hợp đồng gửi, giữ tài sản.
- Hợp đồng bảo hiểm.
- Hợp đồng uỷ quyền.

# Bài tập áp dụng

1. A vay của B 20 triệu đồng, không tính lãi. Vì không có tiền mặt nên B đã bán 50 “gạ” đậu phộng để lấy 20 triệu cho A vay. Hợp đồng vay có thời hạn 6 tháng, đến hạn vào 31/12/2008. Đến thời điểm này thì giá đậu phộng tăng, 20 “gạ” có giá đến 27 triệu. B đòi A phải trả cho mình số tiền đủ mua 20 gạ đậu phộng như cũ. Theo anh (chị), yêu cầu của B có cơ sở hay không? Tại sao?
2. Anh Hùng cho chị Túy vay 100 triệu đồng trong thời hạn 6 tháng, lãi suất 4%/tháng. Đến hạn chị Túy không trả cả gốc lẫn lãi, anh Hùng khởi kiện ra tòa. Hỏi, theo quy định của pháp luật dân sự, trường hợp này tòa án sẽ giải quyết như thế nào ?



**BÀI 6.**  
**TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG**  
**THIỆT HẠI NGOÀI HỢP ĐỒNG**

# I. Khái niệm về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng

## 1. KN:

Nghĩa vụ bồi thường thiệt hại là một loại quan hệ dân sự trong đó người xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp khác của cá nhân, của pháp nhân hoặc các chủ thể khác mà gây thiệt hại thì phải bồi thường.

- Phân biệt giữa trách nhiệm dân sự nói chung và trách nhiệm bồi thường thiệt hại nói riêng.

## 2. Điều kiện phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng

- a. Có thiệt hại xảy ra (thiệt hại về tài sản, tính mạng, sức khỏe, thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm hại, tổn thất về tinh thần).
- b. Hành vi gây thiệt hại là hành vi trái pháp luật (trừ những trường hợp hành vi gây thiệt hại được thực hiện do pháp luật quy định hoặc nghề nghiệp buộc thực hiện)
- c. Có lỗi của người gây thiệt hại (được giảm mức bồi thường khi: lỗi vô ý, thiệt hại quá lớn so với khả năng kinh tế- Nghị quyết ngày 8/7/2006)
- d. Có mối liên hệ nhân quả giữa thiệt hại và hành vi trái pháp luật.

### 3. Xác định thiệt hại

a. Thiệt hại về tài sản:

- Thiệt hại trực tiếp: do tài sản bị mất, bị hủy hoại; những chi phí bỏ ra để ngăn chặn, hạn chế hoặc khắc phục thiệt hại.
- Thiệt hại gián tiếp bao gồm:  
Lợi ích gắn liền với việc khai thác tài sản; hoa lợi, lợi tức chắc chắn thu được nếu không có thiệt hại xảy ra

b. Thiệt hại về sức khỏe:

- Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng; thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút của người bị thiệt hại.
- Chi phí hợp lý và phần thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị.
- Thu nhập bị giảm sút là khoản chênh lệch giữa thu nhập trước và sau khi xảy ra tai nạn.
- Tổn thất về tinh thần là một khái niệm trừu tượng, mức bồi thường do các bên thỏa thuận (tối đa không quá 30 tháng lương tối thiểu)

c. Thiệt hại do tính mạng bị xâm hại:

Bồi thường thiệt hại về tính mạng thực ra là bồi thường vật chất liên quan tới cái chết của người bị thiệt hại:

- Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, chăm sóc nạn nhân.
- Tiền cấp dưỡng cho những người mà người chết có nghĩa vụ cấp dưỡng.
- Tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho những người thân thích thuộc hàng thừa kế thứ nhất (hoặc những người trực tiếp nuôi dưỡng) (tối đa không quá 60 tháng lương tối thiểu)

d. Thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm.  
Thực chất là xác định những tổn thất về vật chất do danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân bị xâm phạm:

- Chi phí phải bỏ ra và thu nhập bị mất.
- Bù đắp tổn thất về tinh thần (không quá 10 tháng lương tối thiểu)

**Ví dụ minh họa:** Anh Nguyễn Văn Sinh mượn xe đạp của anh Trần Văn Hoà để đi thăm người nhà ốm nằm viện nhưng sau đó không đem xe về trả bạn mà đem bán cho bà Hồ Thị Nguyệt chuyên mua bán xe của sinh viên. Trong trường hợp này, hợp đồng mua bán xe giữa Nguyễn Văn Sinh và Hồ Thị Nguyệt có hiệu lực pháp luật hay không? Anh Trần Văn Hoà có quyền đòi lại chiếc xe của mình hay không?

**Giải đáp:** Dựa theo điều 389, Bộ Luật dân sự quy định về nguyên tắc giao kết HĐDS có ghi rõ:

1. Tự do giao kết HĐ nhưng không được trái pháp luật, đạo đức xã hội.
2. Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác, trung thực và ngay thẳng.

Anh Nguyễn Văn Sinh mượn xe đạp của anh Trần Văn Hoà để đi thăm người nhà ốm nằm viện nhưng sau đó không đem xe về trả bạn mà đem bán cho bà Hồ Thị Nguyệt chuyên mua bán xe của sinh viên. Trong trường hợp này, Nguyễn Văn Sinh không có quyền bán (định đoạt) chiếc xe của bạn mà chỉ có quyền sử dụng chiếc xe trong thời gian mượn. Việc Nguyễn Văn Sinh bán chiếc xe của bạn là vi phạm điều cấm của Pháp luật Vì vậy, HĐ mua bán xe giữa Nguyễn Văn Sinh và bà Hồ Thị Nguyệt không có hiệu lực pháp luật. Anh Trần Văn Hoà có quyền đòi lại chiếc xe của mình bằng cách yêu cầu Nguyễn Văn Sinh chuộc xe về trả hoặc bồi thường. Nếu Nguyễn Văn Sinh không trả xe thì anh Trần Văn Hoà có

## II. BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI TRONG MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP CỤ THỂ

1. Bồi thường thiệt hại trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng.
2. Bồi thường thiệt hại trong trường hợp vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết
3. Bồi thường thiệt hại do người dùng chất kích thích gây ra
4. Bồi thường thiệt hại do nhiều người cùng gây ra
5. Bồi thường thiệt hại trong trường hợp người bị thiệt hại có lỗi
6. Bồi thường thiệt hại do người của pháp nhân gây ra.
7. Bồi thường thiệt hại do cán bộ, công chức gây ra

## **8. Bồi thường thiệt hại do người có thẩm quyền của cơ quan tiến hành tố tụng gây ra**

- Cơ quan tiến hành tố tụng phải bồi thường thiệt hại do người có thẩm quyền của mình gây ra khi thực hiện nhiệm vụ trong quá trình tiến hành tố tụng.
- Cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm yêu cầu người có thẩm quyền đã gây thiệt hại phải hoàn trả một khoản tiền theo quy định của pháp luật, nếu người có thẩm quyền có lỗi trong khi thi hành nhiệm vụ.

9. Bồi thường thiệt hại do người dưới mười lăm tuổi, người mất năng lực hành vi dân sự gây ra trong thời gian trường học, bệnh viện, tổ chức khác trực tiếp quản lý.

## **10. Bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra**

Nguồn nguy hiểm cao độ bao gồm phương tiện giao thông vận tải cơ giới, hệ thống tải điện, nhà máy công nghiệp đang hoạt động, vũ khí, chất nổ, chất cháy, chất độc, chất phóng xạ, thú dữ và các nguồn nguy hiểm cao độ khác do pháp luật quy định.

Chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ phải bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra; nếu chủ sở hữu đã giao cho người khác chiếm hữu, sử dụng thì những người này phải bồi thường, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.



## **11. Bồi thường thiệt hại do cây cối gây ra**

- Chủ sở hữu phải bồi thường thiệt hại do cây cối đổ, gãy gây ra, trừ trường hợp thiệt hại xảy ra hoàn toàn do lỗi của người bị thiệt hại hoặc do sự kiện bất khả kháng.

## **12. Bồi thường thiệt hại do nhà cửa, công trình xây dựng khác gây ra**

- Chủ sở hữu, người được chủ sở hữu giao quản lý, sử dụng nhà cửa, công trình xây dựng khác phải bồi thường thiệt hại, nếu để nhà cửa, công trình xây dựng khác đó bị sụp đổ, hư hỏng, sụt lở gây thiệt hại cho người khác, trừ trường hợp thiệt hại xảy ra hoàn toàn do lỗi của người bị thiệt hại hoặc do sự kiện bất khả kháng.

### **13. Bồi thường thiệt hại do xâm phạm mồ mả**

- Cá nhân, pháp nhân, chủ thể khác gây thiệt hại đến mồ mả của người khác phải bồi thường thiệt hại. Thiệt hại do xâm phạm mồ mả gồm chi phí hợp lý để hạn chế, khắc phục thiệt hại.

### **14. Bồi thường thiệt hại do vi phạm quyền lợi của người tiêu dùng**

- Cá nhân, pháp nhân, chủ thể khác sản xuất, kinh doanh không bảo đảm chất lượng hàng hoá mà gây thiệt hại cho người tiêu dùng thì phải bồi thường.

Các nhận định sau đây đúng hay sai? Tại sao?

1. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng phát sinh giữa các bên không có hợp đồng với nhau.
2. Người gây thiệt hại do lỗi vô ý sẽ không chịu trách nhiệm bồi thường.
3. Những thiệt hại giả định, thiệt hại dự kiến trong tương lai là cơ sở để tính mức thiệt hại phát sinh

## Bài tập áp dụng

Bà A đến nhà ông B chơi không may bị chó nhà ông B cắn. Ông B đã đưa bà A đi tiêm phòng dại và thanh toán các chi phí có liên quan, tuy nhiên theo yêu cầu của nơi tiêm phòng thì bà phải tiêm 4 lần trong vòng 1 tháng. Ông A đưa bà đi tiêm 2 lần thì bà đề nghị là ông để bà tự đi, nhưng thực tế bà A không đi tiêm 2 mũi còn lại. 1 tháng sau bà B phát bệnh dại và chết, chồng bà A yêu cầu ông phải bồi thường cho cái chết của vợ. Hỏi:

Trường hợp này ông B có chịu trách nhiệm bồi thường theo yêu cầu hay không? Tại sao? Nếu phải bồi thường thì bồi thường những chi phí nào? Nếu không thì tại sao?

# Bài 7

## QUYỀN THỪA KẾ

# Bài 8: **QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ.**

## **A/. Quy định về quyền tác giả và quyền liên quan:**

### **1). Khái niệm:**

Quyền tác giả là một chế định pháp luật bao gồm một tổng hợp các quy phạm pháp luật xác nhận và bảo hộ các quyền nhân thân, quyền tài sản của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học; quy định trình tự thực hiện và bảo vệ các quyền đó.

Quyền tác giả được dùng để bảo vệ các sáng tạo tinh thần có tính chất văn hóa (cũng còn được gọi là tác phẩm) thí dụ như các bài viết về khoa học hay văn học, sáng tác nhạc, ghi âm, tranh vẽ, hình chụp, phim và các chương trình truyền thanh...

## **2). Chủ thể của quyền tác giả:**

### **a. Tác giả:**

- Là cá nhân, là người trực tiếp sáng tạo toàn bộ hoặc một phần các tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học.
- Là người bằng lao động sáng tạo trong việc sưu tầm tác phẩm đã công bố của người khác để làm tuyển chọn.
- Là người tạo ra tác phẩm tái sinh từ tác phẩm người khác bao gồm các tác phẩm dịch, phóng tác, biên soạn, cải biên, chuyển thể.

### **b. Chủ sở hữu quyền tác giả:**

Là người có quyền định đoạt quyền tài sản liên quan tới tác phẩm (tác giả, người giao nhiệm vụ sáng tác, ký hợp đồng, nhận chuyển giao quyền tác giả)

## **3). Khách thể quyền tác giả:**

Là các lợi ích mà tác giả, chủ sở hữu quan tâm

#### **4). Nội dung của quyền tác giả**

- Quyền của tác giả đồng thời là chủ sở hữu quyền tác giả: quyền nhân thân, quyền tài sản
- Quyền của tác giả không là chủ sở hữu quyền tác giả: quyền nhân thân, quyền tài sản (hưởng nhuận bút, nhận giải thưởng).
- Quyền của chủ sở hữu quyền tác giả mà không phải là tác giả.

#### **5). Quyền liên quan đến quyền tác giả:**

- Quyền và nghĩa vụ và nghĩa vụ của chủ sở hữu cuộc biểu diễn bản ghi âm, ghi hình, cuộc phát sóng.
- Đối với người đầu tư để thực hiện cuộc biểu diễn.
- Chủ sở hữu đối với bản ghi âm, ghi hình và quyền đối với bản ghi âm, ghi hình.
- Chủ sở hữu và nội dung quyền đối với cuộc phát sóng.
- Quyền của chủ sở hữu các tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hoá.
- Quyền và nghĩa vụ của người biểu diễn.



### **Tình huống:**

Ông A được giao nhiệm vụ viết một bài phóng sự cho tòa soạn B. Trong quá trình xem xét, tòa soạn B đã tự ý cắt đi một số nội dung mà họ cho rằng không cần thiết trước khi cho đăng báo. Biết được chuyện, ông A đã viết đơn gửi lên tòa án với lý do tòa soạn B đã xâm phạm đến quyền nhân thân của ông A, trong khi tòa soạn B lại cho rằng, ông A làm theo hợp đồng và đã hưởng nhuận bút nên tác phẩm của ông A sẽ thuộc toàn quyền sở hữu của họ.

### **Cách Giải quyết:**

Áp dụng khoản 2 điều 738 và điều 740 của BLDS cho thấy rằng quyền nhân thân luôn luôn thuộc về tác giả(ông A), như vậy tòa soạn B đã vi phạm quyền nhân thân đối với tác phẩm của ông A và sẽ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

## **B/. QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP VÀ QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG.**

### **1). Khái niệm:**

#### **a. Quyền sở hữu công nghiệp:**

- Theo nghĩa khách quan là tổng hợp các quy phạm pháp luật điều chỉnh và bảo vệ các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình tạo ra áp dụng các sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp... và bảo vệ quyền lợi của cá nhân, của tổ chức sử dụng chỉ dẫn địa lí, bí quyết kinh doanh trong sản xuất kinh doanh và các đối tượng khác.
- Theo nghĩa chủ quan là quyền dân sự của cá nhân hay pháp nhân là chủ thể của quyền sở hữu công nghiệp dùng để chỉ quyền hợp pháp của các thành quả sáng tạo như sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hoá... và quyền ngăn chặn những hành vi xâm phạm hoặc cạnh tranh không lành mạnh.

#### **b. Quyền đối với giống cây trồng:**

Là quyền có vật liệu nhân giống và giống cây trồng.

## **2). Quan hệ pháp luật về quyền sở hữu công nghiệp và giống cây trồng**

### **a. Chủ thể quyền sở hữu công nghiệp và giống cây trồng:**

- Tác giả.
- Chủ sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp

### **b. Khách thể của quyền sở hữu công nghiệp và giống cây trồng:**

- Sáng chế.
- Các giải pháp hữu ích.
- Kiểu dáng công nghiệp.
- Nhãn hiệu.
- Chỉ dẫn địa lí.
- Tên thương mại, bí quyết kinh doanh.
- Thiết kế, bố trí mạch tích hợp bán dẫn.
- Giống cây trồng.

### **3). Nội dung**

- Quyền và nghĩa vụ của tác giả sáng chế, giải pháp hữu hiệu, kiểu dáng công nghiệp, giống cây trồng, thiết kế, bố trí mạch tích hợp bán dẫn.
- Quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu các đối tượng sở hữu công nghiệp, giống cây trồng.

### **4). Bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp và giống cây trồng**

#### **a. Khái niệm:**

Bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp là việc quyền của chủ sở hữu các đối tượng sở hữu công nghiệp được pháp luật thừa nhận và bảo hộ trong thời hạn( thời hạn có hiệu lực bằng văn bản bảo hộ).

#### **b. Phương thức bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp:**

- Yêu cầu người đang có hành vi xâm phạm, cạnh tranh không lành mạnh phải chấm dứt và huỷ bỏ các sản phẩm đã sản xuất.
- Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền buộc người có hành vi xâm phạm quyền sở hữu phải chấm dứt và bồi thường.
- Chủ sở hữu các đối tượng sở hữu công nghiệp khởi kiện đến toà án, yêu cầu được bảo vệ.

## C/. Chuyển giao công nghệ:

### 1). Khái niệm hợp đồng chuyển giao công nghệ:

Hợp đồng chuyển giao công nghệ là sự thoả thuận của các bên, theo đó bên chuyển giao công nghệ có nghĩa vụ chuyển giao những đối tượng sở hữu công nghiệp, bí quyết, kiến thức kĩ thuật... cho bên được chuyển giao sử dụng còn bên được chuyển giao có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản của hợp đồng chuyển giao công nghệ.

### 2). Chủ thể của hợp đồng chuyển giao công nghệ:

Gồm cá nhân, pháp nhân, tổ chức có năng lực chủ thể được quy định trong BLDS

### **3). Đối tượng Của hợp đồng chuyển giao công nghệ:**

- Các đối tượng sở hữu công nghệ có hoặc không có kèm theo máy móc thiết bị mà pháp luật cho phép chuyển giao.
- Bí quyết, kiến thức, kĩ thuật về công nghệ dưới dạng phương án công nghệ, các giải pháp kĩ thuật, quy trình công nghệ, phần mềm máy vi tính, tài liệu thiết kế, công thức, thông số kĩ thuật, bản vẽ, sơ đồ kĩ thuật có kèm theo hoặc không kèm theo máy móc thiết bị.
- Các dịch vụ kĩ thuật, đào tạo nhân viên kĩ thuật, cung cấp thông tin về công nghệ chuyển giao.
- Các giải pháp hợp lí hoá sản xuất.

#### **4). Thời điểm và thời hạn có hiệu lực chuyển giao công nghệ :**

- Thời điểm có hiệu lực của hợp đồng chuyển giao công nghệ do các bên thỏa thuận. Nếu pháp luật có quy định hợp đồng phải đăng kí hoặc xin phép thì thời điểm có hiệu lực của hợp đồng được tính từ ngày đăng kí hoặc ngày cấp giấy phép.
- Thời hạn của hợp đồng chuyển giao công nghệ do pháp luật quy định.

# Câu hỏi ôn tập

Các nhận định sau đây đúng hay sai ? Hãy giải thích ngắn gọn tại sao ?

1. Thời hiệu khởi kiện yêu cầu tuyên bố gdds vô hiệu là 2 năm.
2. Chủ sở hữu có toàn quyền trong việc định đoạt tài sản thuộc quyền sở hữu của mình
3. Gdds bị tuyên bố vô hiệu không phát sinh hiệu lực từ thời điểm tòa án tuyên bố vô hiệu
4. Gdds bị tuyên bố vô hiệu không phát sinh hiệu lực từ thời điểm xác lập giao dịch
5. Mọi cá nhân đều có NLPL giống nhau
6. NLPL của cá nhân có từ khi cá nhân sinh ra
7. Mọi cá nhân có tài sản đều có quyền lập di chúc định đoạt tài sản của mình
8. Người chiếm hữu tài sản của người khác là chiếm hữu trái pháp luật



9. Mọi trường hợp chiếm hữu ts không có căn cứ pháp luật nhưng ngay tình, người chiếm hữu đều có quyền xác lập quyền sở hữu sau 10 năm.
10. Sở hữu chung về tài sản là sở hữu chung hợp nhất.
11. Thời hiệu khởi kiện đòi nợ (mà người chết đã nợ) đối với người thừa kế là 10 năm
12. Người có năng lực hành vi dân sự một phần thì không có quyền xác lập gdds
13. Máy lạnh đang gắn vào tường nhà là bất động sản
14. Những người thừa kế có quyền phân chia di sản thừa kế mà họ được hưởng từ thời điểm mở thừa kế
15. Người thừa kế phải là cá nhân và còn sống ở thời điểm mở thừa kế
16. Sở hữu tài sản của hợp tác xã là hình thức sở hữu chung theo phần.
17. Hãy cho ví dụ về quan hệ pháp luật dân sự tuyệt đối, tương đối.

18. Người chưa đủ 6 tuổi không có quyền sở hữu tài sản.

19. Các thành viên của pháp nhân phải chịu trách nhiệm bằng tài sản riêng nếu tài sản của pháp nhân không đủ để thực hiện nghĩa vụ.

20. Quan hệ sở hữu là quan hệ pháp luật dân sự tuyệt đối.

21. Ký kết hợp đồng là một hành vi pháp lý đơn phương.

22.